TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 121/2021/QĐST-HNGĐ	*Thọ Xuân, ngày 12 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1984, nơi ĐKHKTT: Thôn Tr, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ hiện tại: Đường , phường P, thị xã T, tỉnh B

Bị đơn: Anh Lê Hữu B, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn Tr, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị N và anh Lê Hữu B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Lê Hữu B tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Lê Hữu B có 02 (hai) con chung là các cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 22/8/2003 và Lê Thị V, sinh ngày 27/7/2006.

Ly hôn: Chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là các cháu Lê Thị Ngọc A và Lê Thị V; Anh Lê Hữu B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ *(một triệu đồng)* tính từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Hữu B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị N và anh Lê Hữu B thống nhất tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0006436 ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy chị Lê Thị N được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Anh Lê Hữu B phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến